

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỶ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỶ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và bà Nguyễn Thị Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLST-HN&GD ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Huy T, sinh năm 1989

Nơi cư trú: thôn Tất T, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: thôn Tất T, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: thôn An Tứ, xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Anh T, chị H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Phạm Huy T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Bùi Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ ngày 17/5/2012. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn Hàm Hy, xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tin T nhau, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 3/2024, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống, vợ chồng sống ly tH, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài được nên xin ly hôn chị H.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 09/12/2012 và Phạm Phương T, sinh năm 10/3/2021. Hiện cháu Tuấn Anh ở với anh, còn cháu Thảo ở với chị H. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Tuấn Anh còn chị H nuôi cháu Thảo, anh tự

nguyên cấp dưỡng nuôi cháu Thảo là 4.000.000 đồng/tháng từ tháng 6/2024 đến tháng 6/2029.

+ Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Bùi Thị H trình bày*: Chị H xác định thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, số lượng con chung, tên con chung, mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị thì chị không đồng ý vì chị muốn các con có đủ cả bố và mẹ. Về con chung, chị H nhất trí việc anh T nuôi cháu Tuấn Anh còn chị nuôi cháu Thảo và nhất trí việc anh T cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng từ tháng 6/2024 đến tháng 6/2029. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Biên bản xác minh tại UBND xã Cộng Lạc thể hiện: UBND xã xác định lời trình bày của anh T, chị H về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị thì địa phương không nắm được. Nay anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh chị có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con đảm bảo cuộc sống và ổn định học tập cho các cháu.

Tại phiên toà,

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Huy T được ly hôn chị Bùi Thị H. Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn A sinh ngày 09/12/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, giao cháu Phạm Phương T sinh ngày 10/3/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi cháu Thảo là 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2024 đến tháng 6/2029. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết. Về án phí: anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Huy T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung giữa anh và chị Bùi Thị H, chị H sinh sống tại thôn An Tứ, xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ. Do đó, TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh T, chị H đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Huy T và chị Bùi Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ ngày 17/5/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình làm việc tại Tòa án cả anh T chị H đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù mỗi người đưa ra nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả anh T và chị H đều không có cách khắc phục và không muốn khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Anh T xin ly hôn, chị H có lời khai đồng ý ly hôn anh T nhưng sau đó lại thay đổi đề nghị được đoàn tụ. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T để xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 09/12/2012 và Phạm Phương T, sinh năm 10/3/2021. Hiện cháu Tuấn Anh ở với T, cháu Thảo ở với chị H. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Tuấn Anh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, giao cháu Thảo cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2024 đến tháng 6/2029. Do đó để bảo đảm sự ổn định cho các con chung cần giao cháu Phạm Tuấn A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Phương T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2024 đến tháng 6/2029 là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ: không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Anh Phạm Huy T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Huy T được ly hôn chị Bùi Thị H

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 09/12/2012 cho anh Phạm Huy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Phạm Phương T, sinh năm 10/3/2021 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện cháu Tuấn Anh đang ở cùng anh T, cháu Thảo đang ở cùng chị H. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/6/2024 đến hết tháng 6/2029.

Anh Phạm Huy T và chị Bùi Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Bùi Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh Phạm Huy T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát

sinh do chậm thi hành án được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Phạm Huy T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005563 ngày 13/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Anh T còn phải nộp 150.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Quang Liêm

Nguyễn Thị Hồng

Nguyễn Xuân Thành

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

Nguyễn Xuân Thành

